TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ - ST
Ngày 11 tháng 09 năm 2017
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Mạnh Quỳnh

2. Bà Nguyễn Thị Chuyên

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Vũ Thị Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa***: Ông Lê Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huy ện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đào Thị M, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Q, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lê Trung H, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn Q, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Đào Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Lê Thị M, sinh năm 1970 (đều vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 6 năm 2017 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Đào Thị Minh trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Trung H trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 28 tháng 12 năm 2015. Sau khi kết hôn chị và anh H ở riêng tại Khu 4, thôn Q, xã TQ, huyện TĐ. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn,

bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng ở với nhau được khoảng 3 tháng thì chị về nhà bố mẹ đẻ để ở và vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Trung H.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Hà chưa có con chung.

Về tài sản chung, về đất canh tác, về công nợ, về công sức: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị xác định trước khi cưới anh H chị có 10.000.000 đồng, sau khi cưới chị đã đưa cho anh H số tiền 10.000.000 đồng này. Nay chị đề nghị anh H phải trả cho chị số tiền 10.000.000 đồng là tiền riêng của chị (số tiền này anh H có ký vào giấy cam kết ngày 05 tháng 4 năm 2016 với nội dung trả lại cho chị). Chị không nhất trí trả số tiền dẫn cưới 7.000.000 đồng như anh H trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì thực tế chị không cầm số tiền này.

Bị đơn anh Lê Trung H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng là do chị M không có con nên bất đồng nhiều quan điểm trong cuốc sống hàng ngày. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị M xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày và quan điểm của chị M là vợ chồng chưa có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về đất canh tác, về công nợ, về công sức: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Về số tiền 10.000.000 đồng chị M đưa cho anh sau khi kết hôn là tiền gia đình chị M cho hai vợ chồng sau khi cưới để chi phí cho cuộc sống của hai vợ chồng. Nay chị Minh đề nghị anh phải có trách nhiệm trả số tiền 10.000.000 đồng anh không nhất trí vì thực tế khi vợ chồng kết hôn gia đình anh cũng có mang tiền dẫn cưới theo phong tục là 7.000.000 đồng sang nhà chị M, nếu chị M trả anh số tiền 7.000.000 đồng tiền dẫn cưới này thì anh nhất trí trả 10.000.000 đồng tiền riêng của chị M. Thực tế vì là tiền dẫn cưới nên khi đưa sang nhà chị M không có giấy tờ gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Văn Đ và bà Lê Thị M vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án có quan điểm không thừa nhận có số tiền dẫn cưới 7.000.000 đồng mà anh H đã trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 55, Điều 43, Điều 44 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, đòi lại tài sản riêng, không chấp nhận yêu cầu đòi số tiền dẫn cưới 7.000.000 đồng của bị đơn.

Về con chung: Chị M anh H chưa có con chung nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, về đất canh tác, về công nợ, về công sức: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản riêng: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Lê Trung H phải trả lại cho chị Đào Thị M số tiền 10.000.000 đồng là tài sản riêng của chị M; không chấp nhận yêu cầu đòi số tiền dẫn cưới 7.000.000 đồng của anh H.

Về án phí: Chị Đào Thị Minh phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp tài sản riêng với anh Lê Trung H, do đó đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Bị đơn anh Lê Trung H hiện đang cư trú tại thôn Q, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc; theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở để khẳng định chị Đào Thị M và anh Lê Trung H có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M anh H kết hôn được gần 02 năm mà vẫn chưa có con, nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, anh chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 03 năm 2016 cho đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị M, anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên thống nhất ly hôn. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị M và anh H nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp.

Về con chung: Chị M và anh H chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, đất canh tác, công nợ, công sức: Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản riêng:

Xét yêu cầu của chị Đào Thị M yêu cầu anh Lê Trung H phải trả lại cho chị số tiền 10.000.000 đồng là tiền riêng của chị: Tại giấy cam kết ngày 05 tháng 4 năm 2016, với nội dung anh H phải trả lại cho chị M 10.000.000đ và trong quá trình giải quyết vụ án anh H cũng thừa nhận có cầm của chị M số tiền này nên có căn cứ khẳng định chị M có tài sản riêng là 10.000.000đ, chị M đã đưa cho anh H quản lý số tài sản này và không đồng ý nhập tài sản riêng vào tài sản chung vợ chồng. Do vậy yêu cầu đòi số tiền riêng 10.000.000 đồng của chị M là có căn cứ nên được chấp nhận;

Xét yêu cầu đòi số tiền dẫn cưới 7.000.000 đồng của anh H: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh H không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã đưa số tiền 7.000.000 đồng tiền dẫn cưới cho gia đình chị Minh, bố mẹ đẻ chị M là ông Đào Văn Đ và bà Lê Thị M trong trong quá trình giải quyết vụ án không thừa nhận có cầm số tiền này từ anh H; chị M cũng không thừa nhận có số tiền này. Mặt khác, số tiền dẫn cưới theo phong tục tập quán không phải là tài sản riêng hay quan hệ vay nợ nên yêu cầu của anh H không có căn cứ, không được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định pháp luật;

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 43, Điều 44 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị M và anh Lê Trung H.

[2] Về tài sản riêng: Buộc anh Lê Trung H phải trả lại cho chị Đào Thị M số tiền 10.000.000 đồng ;

Không chấp nhận yêu cầu đòi số tiền dẫn cưới 7.000.000 đồng của anh Lê Trung H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Đào Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2014/0004741 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Tam Đảo; chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND H. Tam Đảo;*
- *THADS H. Tam Đảo;*
- *UBND xã Tam Quan;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Quốc Việt